

HIỂU ĐÚNG VỀ CÁN CÂN THANH TOÁN - TRƯỜNG HỢP TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Châu Văn Thành

Cán cân thanh toán (BOP) là một khái niệm phổ biến trong kinh tế học và là chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng. Vấn đề là không phải ai cũng có thể hiểu đúng về chỉ tiêu này và việc hiểu đúng bản chất lại càng khó đối với nhiều người. Nhiều lần trên giảng đường, tôi đặt cùng câu hỏi cho sinh viên và nhận được những câu trả lời thật đáng ngạc nhiên. *Cán cân thanh toán (BOP) là gì và vì sao việc hiểu đúng BOP lại quan trọng?* Sự thật là khoảng 50% trong số họ đã nói sai về BOP! Bài viết này chia thành hai phần chính. Phần thứ nhất sẽ trình bày về BOP và cấu trúc của nó. Phần thứ hai sẽ phân tích hai ví dụ về cách đọc và ý nghĩa của BOP ở hai quốc gia – Trung Quốc và Việt Nam.

Cán cân thanh toán (BOP) là gì?

Cán cân thanh toán (Balance of Payments, BOP) là một bảng dữ liệu cung cấp thông tin về kết quả của các giao dịch quốc tế của một quốc gia với phần còn lại của thế giới thể hiện qua hai tài khoản chính đó là *tài khoản vãng lai (CA)* và *tài khoản vốn và tài chính (KA)*. Tài khoản vãng lai ghi chép tất cả giao dịch hàng hóa và dịch vụ như giá trị xuất khẩu, nhập khẩu, các khoản nhận hay thanh toán thu nhập. Tài khoản vốn và tài chính¹ ghi chép các khoản vay hay cho vay nước ngoài, các dòng đầu tư trực tiếp và gián tiếp với nước ngoài diễn ra trong một thời kỳ cụ thể - thường là một năm.

¹ Từ năm 1993, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) thay “tài khoản vốn” bằng “tài khoản vốn và tài chính”, theo đó, tài khoản vốn (nằm trong tài khoản vốn và tài chính) chỉ bao gồm các khoản chuyển nhượng vốn đơn phương, như xóa nợ giữa các chính phủ. Do vậy, tài khoản vốn theo nghĩa này là một khoản mục không đáng kể trong cán cân thanh toán.

Một mô hình mô phỏng bảng ghi chép các giao dịch quốc tế của một quốc gia với phần còn lại của thế giới qua BOP² như sau:

| | (+) (Có) | (-) (Nợ) |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Tài khoản vãng lai (CA) (Bao gồm NX, NFP và NTR) | Xuất khẩu | Nhập khẩu |
| Tài khoản vốn và tài chính (KA) (Bao gồm FDI, FPI, ODA...) Ngoài ra, có thể ghép vào đây thành phần EO (sai và sót), và thay đổi dự trữ ngoại hối (ΔFR) | Dòng vốn và tài chính vào | Dòng vốn và tài chính ra |

Quy tắc ghi chép có tính quy ước trong BOP là nếu bạn thanh toán cho một cư dân nước ngoài để đổi lấy một thứ gì đó mang về trong nước thì kết quả đó ghi bên Nợ (debit hay “-“); và khi người nước ngoài thanh toán cho bạn để đổi một thứ gì đó thì ghi bên Có (credit hay “+”).

Mỗi giao dịch phát sinh sẽ được ghi bút toán kép trong BOP, một bên cột Có (credit)(“+”: nhận ngoại tệ) và một bên cột Nợ (debit)(“-“: trả ngoại tệ). Chính vì thế, tổng hợp lại, BOP luôn có kết quả zero: tổng bên Có bằng tổng bên Nợ).

Một cách chi tiết hơn, khoản nào ghi vào cột “+” và khoản nào ghi vào cột “-“? Để đơn giản, ta có thể hiểu rằng việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ hay tài sản tài chính cho người nước ngoài là khoản ghi “+” (Có) vì nhận ngoại tệ. Việc nhận hàng hóa, dịch vụ hay tài sản tài chính từ người nước ngoài là khoản ghi “-“ (Nợ) vì trả ngoại tệ. Có ba loại giao dịch chính trong BOP. Thứ nhất, giao dịch phát sinh từ xuất khẩu hay nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ được ghi vào tài khoản vãng lai (CA) của BOP. Thứ hai, giao dịch phát sinh từ mua sắm tài sản tài chính được ghi vào

² Hiện nay, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã bắt đầu áp dụng cách trình bày mới về Cán cân Thanh toán (BOP) theo hướng dẫn xuất bản mới nhất (BPM6 2014). Các khoản mục của Tài khoản Vãng lai (CA) như Xuất khẩu (X) và Nhập khẩu (M) hàng hóa và dịch vụ cũng tương tự. Tuy nhiên, trong hệ thống mới (BPM6), cả X và M đều ghi bên số dương. Cán cân Thương mại (TB hay NX) vẫn là X-M. Trong khi khoản mục Thu nhập yếu tố ròng (“Income”) được gọi là Thu nhập sơ cấp (“primary income”) và các khoản Chuyển nhượng ròng (“Transfers”) được gọi là Thu nhập thứ cấp (“secondary income”). Cũng theo hệ thống mới, tài khoản vãng lai cộng tài khoản vốn cộng mục sai và sót trừ tài khoản tài chính sẽ bằng zero (trong khi hệ thống cũ, cả bốn khoản mục cộng lại bằng zero).

tài khoản tài chính (trước đây được gọi là tài khoản vốn) của BOP. Thứ ba, giao dịch về tài sản phi sản xuất, phi tài chính và vô hình được ghi vào “tài khoản vốn” (một khoản xóa nợ giữa các chính phủ chẳng hạn).

Nếu bỏ qua thủ thuật ghi chép rắc rối này, chúng ta có thể hiểu đơn giản rằng, mỗi khi ngoại tệ vào hay quốc gia nhận được ngoại tệ thì ghi phía “+” (Có); và ngược lại, khi ngoại tệ ra hay chi ngoại tệ thì ghi bên phía “-“ (Nợ). Sau đây là một bảng tổng hợp các ví dụ về việc ghi bên “+” hay bên “-“ để chúng ta dễ hình dung.

Các khoản nợ và có trong một báo cáo cán cân thanh toán

| <u>Các khoản ghi nợ (-)</u> | <u>Các khoản ghi có (+)</u> |
|---|---|
| Ví dụ: | Ví dụ: |
| <ul style="list-style-type: none"> • Nhập khẩu • Các khoản thanh toán thu nhập (như lãi và cổ tức trả cho người nước ngoài) • Chuyển nhượng đơn phương đến người nước ngoài (như viện trợ nước ngoài hay viện trợ nhân đạo cung cấp đến người nước ngoài) • Các dòng vốn ra (như là một khoản gia tăng của các khoản tiền gửi nội địa ở các ngân hàng nước ngoài hay việc mua công ty, cổ phiếu, hay trái phiếu nước ngoài của người trong nước) • Tăng dự trữ chính thức (các trữ lượng vàng hay ngoại tệ của chính phủ) | <ul style="list-style-type: none"> • Xuất khẩu • Các khoản nhận thu nhập (như lãi và cổ tức nhận từ đầu tư nước ngoài) • Chuyển nhượng đơn phương từ nước ngoài (như viện trợ nước ngoài hay viện trợ nhân đạo nhận được từ người nước ngoài) • Các dòng vốn vào (như là một khoản gia tăng của các khoản tiền gửi nước ngoài ở các ngân hàng trong nước hay việc mua công ty, cổ phiếu, hay trái phiếu trong nước của người nước ngoài) • Giảm dự trữ chính thức (các trữ lượng vàng hay ngoại tệ của chính phủ) |
| Các Quy tắc (liên quan đến các khoản | Các Quy tắc (liên quan đến các khoản |

| ghi nợ trong BOP) | ghi có trong BOP) |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng ngoại hối • Tăng một tài sản (an asset) (như là một sự gia tăng một trái quyền trong nước đối với một đơn vị nước ngoài) • Giảm một nghĩa vụ nợ (như là một sự giảm xuống về trách nhiệm trong nước đối với người nước ngoài) | <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn của ngoại hối • Tăng một nghĩa vụ nợ (a liability) (như là một sự gia tăng trách nhiệm trong nước đối với người nước ngoài) • Giảm một tài sản (như là một sự giảm xuống của một trái quyền đối với một đơn vị nước ngoài) |

Nguồn: David Moss (2007)

Nhìn vào bảng BOP bên trên chúng ta có thể sắp xếp thành phần của từng tài khoản theo một trật tự của bảng BOP tiêu biểu đơn giản sau đây:

| <u>Tài khoản và tiêu mục</u> trong BOP | Cán cân <u>tích lũy</u> |
|--|--|
| Tài khoản vãng lai (Current Account - CA) | |
| <ul style="list-style-type: none"> • Hàng hóa (Merchandise or goods) | <i>Cán cân hàng hóa (Merchandise balance)</i> |
| <ul style="list-style-type: none"> • Dịch vụ (Services) | <i>Cán cân hàng hóa và dịch vụ (Balance of goods and services)</i> |
| <ul style="list-style-type: none"> • Thu nhập yếu tố ròng (Net factor receipts)) [Thu nhập sơ cấp (Primary income), chủ yếu thu nhập từ đầu tư] | <i>Cán cân hàng hóa, dịch vụ và thu nhập yếu tố (Balance of goods, services, and income)</i> |
| <ul style="list-style-type: none"> • Chuyển nhượng đơn phương ròng (Net unilateral transfers) [Thu nhập thứ cấp (Secondary income)] | <i>Cán cân tài khoản vãng lai (Current account balance)</i> |
| Tài khoản Vốn và Tài chính (Capital and Financial Account - KA) | |
| <ul style="list-style-type: none"> • Tài khoản vốn (Capital account) | (Xóa nợ giữa các chính phủ. Không đáng kể) |
| <ul style="list-style-type: none"> • Tài khoản tài chính (Financial account) | |
| ✓ Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) | |

| | |
|--|--|
| ✓ Đầu tư gián tiếp (FPI hay FII) (chứng khoán và dòng qua ngân hàng (Securities and banking flows)) | |
| ○ Dài hạn | <i>Cán cân cơ bản (Basic balance)</i> |
| ○ Ngắn hạn | <i>Cán cân thanh toán tổng thể (Overall balance of payments)</i> |
| Các giao dịch dự trữ chính thức (Official Reserve Transactions – ORT) | |
| Thay đổi tài sản trong nước được nắm giữ bởi các NHTU nước ngoài. | |
| Thay đổi tài sản nước ngoài được nắm giữ bởi NHTU trong nước. | |
| • Vàng | |
| • Tín dụng và Quyền rút vốn đặc biệt IMF | |
| • Dự trữ ngoại hối | |

Nguồn: Jeffrey Frankel (2016)

Những đồng nhất thức quan trọng trong BOP và ý nghĩa

Lưu ý đầu tiên, tất cả các khoản mục trong bảng BOP là biến lưu lượng (flow) không phải tích lượng (stock). Đây là những giao dịch xuất hiện trong một khoảng thời gian (quý hay năm).

Đối với cán cân vãng lai CA, khi CA thặng dư có nghĩa là quốc gia tích lũy tài sản ròng so với nước ngoài; ngược lại, khi CA thâm hụt có nghĩa là quốc gia vay ròng từ bên ngoài.

Tài khoản vốn và tài chính KA có ý nghĩa đặc biệt, đó là dòng vốn vào (người nước ngoài sở hữu thêm hay cho vay thêm đến người trong nước) trừ cho dòng vốn ra (người trong nước sở hữu thêm, cho vay thêm hay trả nợ cho người bên ngoài). Một cán cân KA thặng dư có nghĩa là dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra, hay năm đó người nước ngoài sở hữu thêm tài sản hay cho vay ròng đối với trong nước.

Theo truyền thống, dấu của CA và KA thường nghịch nhau. CA thâm hụt thường đi kèm KA thặng dư và ngược lại. Ví dụ khi CA thâm hụt (quốc gia có thu nhập nhỏ hơn chi tiêu), do vậy KA thặng dư hàm ý dòng vốn vào lớn hơn dòng vốn ra tài trợ và vì vậy người nước ngoài sở hữu thêm hay cho vay ròng đối với nước mình.

$BOP = CA + KA$: hàm ý tình trạng BOP (cán cân cơ bản và cán cân tổng thể cũng khác nhau) có thể là thâm hụt, cân bằng hay thặng dư.

Tình trạng thặng dư cung ngoại hối thường có nguồn gốc từ khu vực tư nhân và ngân hàng trung ương (NHTU) sẽ hấp thu thành dự trữ ngoại hối FR (ví dụ khi NHTU can thiệp vào thị trường ngoại hối để giữ tỷ giá ổn định chẳng hạn).

BOP thặng dư, cung lớn cầu trên thị trường ngoại hối, nội tệ có thể lên giá và quốc gia tích lũy và tăng FR. Ngược lại, BOP thâm hụt, cầu lớn cung trên thị trường ngoại hối, nội tệ có thể mất giá và quốc gia giảm FR. Chính vì thế, $CA + KA$ kết hợp với ΔFR sẽ bằng zero (để đơn giản, hãy giả sử khoản mục sai và sót EO không đáng kể hay bằng không). Do vậy, con số zero này không có nghĩa là BOP cân bằng!

Thay đổi dự trữ ngoại hối ΔFR mang dấu âm “-“ có nghĩa là dự trữ ngoại hối FR tăng. Ngược lại, ΔFR mang dấu dương “+“ có nghĩa là dự trữ ngoại hối FR giảm.

Trong một quốc gia theo cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi, sẽ không có sự can thiệp của NHTU vào thị trường ngoại hối, nên $BOP = CA + KA = 0$; thay vào đó, tỷ giá hối đoái sẽ điều chỉnh để cân bằng cung và cầu trên thị trường ngoại hối.

Đọc và hiểu BOP như thế nào cho đúng?

Ghi chú quan trọng: Nhắc lại một lần nữa, theo định nghĩa, khi kết hợp kết quả CA, KA và ΔFR sẽ cho kết quả zero, nhưng không có nghĩa là BOP cân bằng. Cán cân của BOP được quyết định bởi CA và KA (chưa kể ΔFR). Hãy thử mô phỏng các trạng thái BOP qua một bảng tóm tắt sau đây (giả sử $EO = 0$ và tỷ giá hối đoái là cố định).

Bảng 1: Mô phỏng các trạng thái BOP

| Nước | A | B | C | D | E | F | G | H |
|------|---|---|---|---|---|---|---|---|
|------|---|---|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | | | | |
|-------------|-----------|-----------|---------------|---------------|---------------|---------------|-------------------|-------------------|
| CA | 0 | -5 | -3 | -3 | +5 | +2 | +5 | -2 |
| KA | 0 | +5 | +5 | +1 | -2 | -5 | +2 | -3 |
| Cán cân BOP | Cân bằng | Cân bằng | Thặng dư (+2) | Thâm hụt (-2) | Thặng dư (+3) | Thâm hụt (-3) | Thặng dư kép (+7) | Thâm hụt kép (-5) |
| ΔFR | 0 | 0 | -2 | +2 | -3 | +3 | -7 | +5 |
| FR | Không đổi | Không đổi | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm |

Nước A và B cho thấy BOP cân bằng không nhất thiết $CA = 0$ và $KA = 0$ mà kết hợp kết quả trạng thái của cả hai tài khoản CA và KA bằng zero cũng có nghĩa BOP cân bằng.

Nước C và D thể hiện kết quả cho thấy CA thâm hụt thì không nhất thiết BOP thâm hụt. Nước C, BOP vẫn thặng dư do KA thặng dư lớn, không chỉ bù đắp thâm hụt CA mà còn góp phần tăng dự trữ FR (và ΔFR mang dấu “-“). Nước D, thặng dư KA không đủ bù đắp thâm hụt CA, tổng hợp lại cho thấy BOP thâm hụt và dự trữ ngoại tệ FR giảm để bù vào (và ΔFR mang dấu “+“).

Nước E và F cho thấy một trường hợp khác nữa, cả CA thặng dư nhưng cũng không nhất thiết BOP thặng dư vì còn phụ thuộc vào trạng thái cán cân của KA.

Nước G và H là hai thái cực dù rất ít xảy ra với nhiều quốc gia và trong mọi giai đoạn. Tuy nhiên, đã từng xảy ra với Trung Quốc và Việt Nam (dạng G, thặng dư kép cả hai tài khoản CA và KA) góp phần làm cho cung ngoại tệ tăng mạnh và tích lũy nhanh dự trữ ngoại tệ FR. Trong khi Thái Lan năm 1997 rơi vào thâm hụt kép cả CA và KA do vốn tháo chạy sau khủng hoảng (dạng H, cạn kiệt dự trữ ngoại tệ FR).

Bảng 2 - Một ví dụ về cán cân thanh toán Việt Nam giai đoạn 2000-2015

| CÁN CÂN THANH TOÁN (Triệu USD) | 2000 | 2005 | 2010 | 2015 |
|---------------------------------------|--------------|-------------|---------------|-------------|
| Cán cân tài khoản vãng lai CA | 1.296 | -561 | -4.276 | 884 |
| Cán cân hàng hóa | 376 | -2.439 | -5.136 | 7.374 |
| Xuất khẩu (fob) (+) | 14.448 | 32.447 | 72.237 | 162.016 |
| Nhập khẩu (fob) (-) | 14.072 | 34.886 | 77.373 | 154.642 |

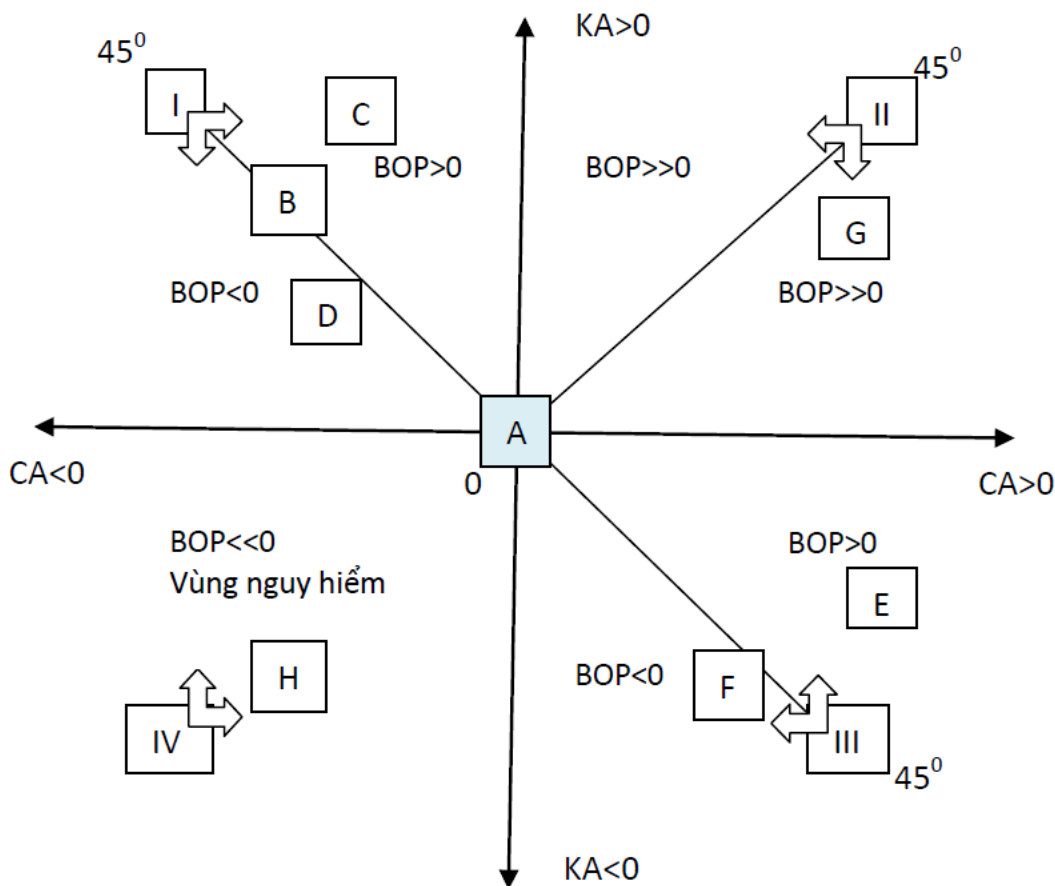
| | | | | |
|---|-------------|---------------|---------------|---------------|
| Cán cân dịch vụ | -550 | -296 | -2.461 | -4.300 |
| (+) | 2.702 | 4.176 | 7.460 | 11.200 |
| (-) | 3.252 | 4.472 | 9.921 | 15.500 |
| Cán cân thu nhập sơ cấp | -262 | -1.206 | -4.564 | -9.925 |
| (+) | 331 | 364 | 456 | 399 |
| (-) | 593 | 1.570 | 5.020 | 10.324 |
| Cán cân thu nhập thứ cấp | 1.732 | 3.380 | 7.885 | 7.735 |
| (+) | 1.732 | ... | 8.222 | 8.586 |
| (-) | - | ... | 337 | 851 |
| Tài khoản vốn và tài chính (KA) | -754 | 3.087 | 6.201 | 1.587 |
| Đầu tư trực tiếp | 1.298 | 1.889 | 7.100 | 10.700 |
| Đầu tư gián tiếp | - | 865 | 2.370 | -65 |
| Chứng khoán phái sinh tài chính | ... | ... | ... | ... |
| Đầu tư khác | -2.052 | 333 | -3.269 | -9.048 |
| Sai và sót ròng (EO) | -864 | -395 | -3.690 | -8.503 |
| Cán cân tổng thể (BOP) | -322 | 2.131 | -1.765 | -6.032 |
| Thay đổi dự trữ ngoại hối và khoản mục liên quan (Δ FR) | 322 | -2.131 | 1.765 | 6.032 |

Nguồn: ADB, Key Indicators for Asia and the Pacific 2016, www.adb.org/statistics

Nhìn vào Bảng 2, lấy năm 2000 làm ví dụ, ta thấy CA thặng dư 1.296 triệu USD, KA thâm hụt 754 triệu USD, EO (đi ra ròng) là 864 triệu USD, như vậy cán cân BOP tổng thể thâm hụt 322 triệu USD và dự trữ ngoại hối giảm 322 triệu USD (Khoản mục Δ FR mang dấu “+” 322 có nghĩa là FR giảm). Tương tự, năm 2005, CA thậm hụt 561 triệu USD, KA thặng dư lớn lên đến 3.087 triệu USD, trong khi đó khoản EO (đi ra ròng) là 395 triệu USD, nên cán cân BOP tổng thể thặng dư 2.131 triệu USD, góp phần tăng dự trữ ngoại hối 2.131 triệu USD (Khoản mục Δ FR mang dấu “-” có nghĩa là FR tăng). Năm 2015 khá đặc biệt, cả hai tài khoản CA và KA đều thặng dư (thặng dư kép), nhưng do EO (dòng ra ròng của khoản sai và sót) lớn hơn cả hai khoản thặng dư của CA và KA gộp lại. Kết quả là cán cân BOP tổng thể thâm hụt lớn, lên đến 6.032 triệu USD, khoản này tương ứng lượng giảm FR (Δ FR bằng “+” 6032 triệu USD).

Một dạng biểu diễn BOP trên tọa độ

Có một dạng đồ thị hữu ích có thể biểu diễn trạng thái BOP và xu hướng di chuyển của trạng thái BOP theo thời gian cũng như so sánh giữa các nước trong một thời điểm được thiết kế như sau:



Trên đó KA đặt trên trục tung và CA ở trên trục hoành. Mỗi trục xuất phát điểm từ giá trị gốc zero đi ra hai hướng, thặng dư (+) và thâm hụt (-). Đường 45 độ phân chia các góc phần tư giúp chúng ta có thể nhìn ra vùng BOP thặng dư hay thâm hụt nhờ vào giá trị CA và KA. Các góc phần tư I, II, III và IV thể hiện các trạng thái khác nhau của BOP. Chúng ta có thể nhận ra ngay rằng góc phần tư IV là khu vực cán cân BOP rơi vào trạng thái nguy hiểm nhất do thâm hụt rất lớn (cả hai tài khoản CA và KA đều thâm hụt). Góc phần tư II thể hiện cán cân BOP thặng dư kép (cả hai tài khoản CA và KA đều thặng dư). Hai góc phần tư còn lại chia thành 2 nửa khác nhau, BOP thâm hụt và BOP thặng dư. Trở lại với Bảng 1: Mô phỏng các trạng thái BOP, vị trí

các nước A đến H được định vị trên tọa độ. Nhờ đó, các nhà chính sách có thể hiểu rõ trạng thái BOP và đưa ra các chính sách quản lý nền kinh tế vĩ mô phù hợp từng trường hợp. Ví dụ, E và C đều có BOP thặng dư, nhưng E có thể cho phép nội tệ lên giá hơn là C vì E có CA thặng dư lớn (thu nhập lớn hơn chi tiêu); trong khi C thì CA thâm hụt và KA thặng dư, trong đó KA thặng dư nhưng khoản thặng dư này không phải là ngoại tệ của quốc gia C mà chủ yếu là do dòng vốn vào ròng từ bên ngoài dưới dạng người của quốc gia khác sở hữu tài sản và cho C vay thêm.

Trường hợp Trung Quốc và Việt Nam có gì khác nhau?

Sẽ rất thú vị nếu chúng ta tiếp tục phân tích BOP của Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn trước đó, nổi bật bởi trạng thái ***thặng dư kép của Trung Quốc và thặng dư BOP của Việt Nam chủ yếu do KA thặng dư lớn*** mà ra (chủ yếu giai đoạn trước 2010).

Vấn đề khác nữa giữa Việt Nam và Trung Quốc mà chúng ta có thể thấy được qua số liệu (dù là nguồn nào đi nữa thì ở giai đoạn này Trung Quốc thặng dư kép và chủ yếu là thặng dư CA lớn kéo dài, nên họ đang là nước tích lũy nguồn lực ròng, trong khi Việt Nam giai đoạn trước 2012 (kéo dài 2 thập niên trước đó) chủ yếu là thâm hụt NX và CA nên chúng ta là nước đi vay ròng, ngay cả khi KA thặng dư thì về bản chất không phải là tiền của chúng ta mà chính là người nước ngoài đang nắm giữ tài sản và cho vay ròng vào đất nước mình. Đây cũng là bản chất của BOP và là cơ sở của các quyết sách kinh tế vĩ mô quan trọng một khi bạn hiểu rõ về ý nghĩa và cấu trúc của NIA và BOP.

Tài liệu tham khảo

David A. Moss (2014), A Concise Guide to Macroeconomics – What Managers, Executives, and Students Need to Know, *Harvard Business School Press*, 2nd edition.

N. Gregory *Mankiw* (2012), Kinh tế học Vĩ mô, NXB Cengage Learning, Bản in Tiếng Việt 2014. [Principles of Macroeconomics, 6th edition, Cengage Learning]

Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld, and Marc J. Melitz (2012), *International Economics: Theory and Policy*, Ninth Edition, Pearson Publisher.

Phụ lục

Nội dung sau đây được lược trích và giải thích thêm từ mục *Thuật ngữ*³ - David Moss (2014)

Các khoản mục trong tài khoản vãng lai (CA) và tài khoản vốn và tài chính (KA)

Tài khoản vãng lai (Current Account)

- Cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ (Balance on trade in goods and services)
 - Cán cân thương mại hàng hóa (Balance on merchandise trade (goods))
 - Cán cân thương mại dịch vụ (Balance on trade in services)
- Thu nhập ròng (thu nhập yếu tố ròng) (Net income (net factor receipts))
- Chuyển nhượng đơn phương ròng (Net unilateral transfers)

Tài khoản Vốn và Tài chính (Capital and Financial Account)

- Tài khoản vốn ròng (Net capital account)
- Tài khoản tài chính (Net financial account)
 - Đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng (Net foreign direct investment)
 - Các dòng đầu tư gián tiếp ròng (Net portfolio flows)
 - Các dòng vốn khác, ròng (Other capital flows, net)
 - Thay đổi dự trữ chính thức (Change in official reserves)
- Sai va sót (Sai số thống kê) (Errors and Omissions) (Statistical discrepancy)

Thuật ngữ trong BOP

Trước khi làm quen ý nghĩa cán cân thanh toán (BOP), chúng ta cần làm quen với các khái niệm mô tả cơ bản sẽ xuất hiện trong cấu trúc của một BOP.

Các tài khoản cán cân thanh toán (Balance of payments accounts - BOP) ghi chép tóm tắt các giao dịch xuyên biên giới của một quốc gia, thường ở một năm nào đó. Một khái niệm chuẩn hơn thường gặp trong các giáo trình, BOP là kết quả ghi chép giao dịch kinh tế giữa cư dân trong nước với nước ngoài.

³ David A. Moss (2014), A Concise Guide to Macroeconomics – What Managers, Executives, and Students Need to Know, *Harvard Business School Press*, 2nd edition.

Tài khoản vãng lai (Current account - CA) là một tài khoản chính trong BOP ghi chép lại các giao dịch quốc tế của một quốc gia bao gồm xuất khẩu trừ đi nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thu nhập yếu tố ròng, và chuyển nhượng ròng từ nước ngoài. Trong trường hợp cán cân vãng lai thâm hụt, thể hiện vay ròng từ nước ngoài - khoản này sẽ được phản ánh trong tài khoản vốn và tài chính.

Tài khoản vốn (Capital account) là một khoản mục trong tài khoản vốn và tài chính (KA) của BOP phản ánh chuyển nhượng vốn đơn phương, ví dụ như miễn xóa nợ của một quốc gia bởi chính phủ của một nước khác. Trước thập niên 1990, “tài khoản vốn” trong BOP ghi chép tất cả các dòng vốn (tài chính) xuyên biên giới, nhưng hiện nay tài khoản này tách ra thành khoản mục “tài khoản tài chính” nằm trong tài khoản vốn và tài chính.

Tài khoản tài chính (Financial account) là một khoản mục chủ yếu trong tài khoản vốn và tài chính (KA) của BOP ghi chép lại các giao dịch tài chính quốc tế của một quốc gia, bao gồm các dòng đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài ròng.

Khoản sai và sót (Errors and omissions - EO) là một loại số dư trong BOP phản ánh sai số thống kê trong việc biên soạn dữ liệu BOP.

Thay đổi dự trữ chính thức (Change in Official reserves - ΔFR) là một thành phần của tài khoản vốn và tài chính (KA) của BOP, thể hiện sự tăng hay giảm của trữ lượng ngoại tệ và vàng của chính phủ.

Cán cân hàng hóa và dịch vụ (Balance on goods and services) là kết quả xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ trừ nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, với từ “hàng hóa” chỉ các sản phẩm hữu hình và từ “dịch vụ” chỉ các sản phẩm vô hình (như vận tải biển, hoạt động ngân hàng đầu tư, hay các dịch vụ tư vấn).

Cán cân thương mại hay xuất khẩu ròng (Trade balance, net exports (TB hay NX)) là kết quả xuất khẩu trừ nhập khẩu. Khái niệm này có thể sử dụng hoặc như cán cân hàng hóa hay cán cân hàng hóa và dịch vụ trong hạch toán thu nhập quốc dân.

Xuất khẩu (Exports - X) là tổng kim ngạch mua sắm của nước ngoài đối với hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước.

Nhập khẩu (Imports - M) là tổng kim ngạch mua hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ở nước ngoài của người trong nước.

Thu nhập yếu tố ròng hay thu nhập ròng từ nước ngoài (net income/net factor receipts - NFP) là các khoản thu nhập nhận trừ các khoản thu nhập thanh toán trong tài khoản vãng lai của BOP. Các khoản thu nhập nhận bao gồm số tiền được trả bởi người nước ngoài cho các cư dân trong nước (ví dụ trả cho các công việc được thực hiện ở nước ngoài), tiền lãi và cổ tức từ người nước ngoài trả cho việc nắm giữ tài sản nước ngoài của người trong nước, và thu nhập được tái đầu tư vào FDI bên ngoài; các khoản thu nhập thanh toán bao gồm số tiền được trả cho người nước ngoài bởi các cư dân (hay các hãng) trong nước, lãi và cổ tức được trả cho người nước ngoài từ việc nắm giữ các tài sản trong nước của người nước ngoài, và các khoản thu nhập tái đầu tư vào FDI của nền kinh tế trong nước.

Chuyển nhượng đơn phương ròng hay chuyển nhượng ròng từ nước ngoài (net unilateral transfers/net transfers – NTR) là một thành phần của cán cân vãng lai trong BOP, phản ánh các giao dịch một chiều như là viện trợ nước ngoài hay trợ giúp nhân đạo xuyên biên giới (ví dụ Hội Chữ thập Đỏ).

Vay nước ngoài (Foreign borrowing) là dòng vốn vào từ bên ngoài. Các dòng vào này (hay vay) có thể dưới nhiều dạng, bao gồm tiền gửi của nước ngoài ở các ngân hàng trong nước, mua chứng khoán trong nước của nước ngoài (bao gồm cổ phiếu và trái phiếu), đầu tư trực tiếp nước ngoài (bao gồm mua các công ty trong nước của nước ngoài), v.v... Một quốc gia gắn với vay ròng từ bên ngoài bất cứ khi nào cán cân vãng lai của nó thâm hụt, điều này chỉ rõ rằng chi tiêu của quốc gia vượt quá sản xuất sản lượng của nó.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign direct investment (FDI)) liên quan đến việc mua cổ phần đầu tư vốn trong một công ty mà cổ phần này đủ lớn (thường là lớn hơn 10%) cho phép người sở hữu nước ngoài có ảnh hưởng về mặt quản lý đối với công ty.

Đầu tư gián tiếp hay đầu tư tài chính (Portfolio investment, portfolio flows – các dòng vào gián tiếp (FII hay FPI)) liên quan đến việc mua cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác xuyên biên giới, nhưng không đủ lớn hay đủ tập trung để cho phép ảnh hưởng quản lý. Đầu tư gián tiếp đôi lúc được gọi là “tiền nóng” (hot money) vì các nhà đầu tư gián tiếp có thể bán các tài sản tài chính đang nắm giữ và rút ra khỏi quốc gia hầu như vào thời khắc nhạy cảm.